

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 260/2022/DS-PT

Ngày: 23 - 12 - 2022

V/v “Đòi lại đất và yêu cầu hủy GCNQSDĐ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: ông Lê Phước Thanh

ông Phạm Tấn Hoàng

- *Thư ký phiên tòa*: bà Bùi Thị Hồng Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022 tại điểm cầu trung tâm: trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần: trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án dân sự thụ lý số 153/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2022 về “Đòi lại đất và yêu cầu hủy GCNQSDĐ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2022/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 318/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Thái B, sinh năm 1978; địa chỉ: thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên toà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: ông Vũ Xuân H1 và ông Phạm Thành Th - Luật sư, Công ty luật trách nhiệm hữu hạn Đ1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên toà.

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn T, xã V, huyện T, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên toà.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án:

3.1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh

Quảng Bình: ông Trà Quang L, chức vụ Phó Giám đốc văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1963; địa chỉ: thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh Quảng Bình, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị Lê H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, trình bày của nguyên đơn thể hiện:

Ngày 15 tháng 6 năm 2018 nguyên đơn nhận chuyển nhượng 465,4m² đất tại thửa đất số 531, tờ bản đồ số 17 xã V của vợ chồng ông Nguyễn Siêu V1, bà Nguyễn Thị H3 với giá 200.000.000 đồng. Do diện tích đất nhận chuyển nhượng chưa đảm bảo để lập Hợp đồng theo quy định, nên ngày 14/5/2019 nguyên đơn thay mặt ông V1, bà H3 làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T. Ngày 10/7/2019 nguyên đơn và ông V1, bà H3 đến UBND xã V lập Hợp đồng chuyển nhượng đất nhưng do nguyên đơn chưa làm được thủ tục độc thân nên đã lập văn bản thỏa thuận ngày với nội dung: nhờ bà Nguyễn Thị Lê H (bị đơn) đứng tên việc nhận chuyển nhượng thửa đất của ông V1, bà H3 và tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) và được bà H đồng ý. Nhưng sau khi hoàn thành việc đứng tên trong GCNQSDĐ, nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn chuyển lại tên cho nguyên đơn thì bị đơn không thực hiện. Để đảm bảo quyền lợi của mình, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại 465,4m² đất tại thửa đất số 531, tờ bản đồ số 17 xã V; đồng thời hủy GCNQSDĐ số CR 401187 ngày 22/7/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp đứng tên bà H.

2. Bị đơn trình bày thể hiện:

Giữa năm 2018 bị đơn quen biết nguyên đơn. Lúc đó nguyên đơn giới thiệu cho bị đơn mua thửa đất của ông Nguyễn Siêu V1 ở xã V, huyện T cạnh nhà bố mẹ của nguyên đơn. Bị đơn đã giao cho nguyên đơn 180.000.000 đồng để trả tiền nhận chuyển nhượng thửa đất cho vợ chồng ông V1, sau đó giữa bị đơn và vợ chồng ông V1 lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ngày 22/7/2019 bị đơn được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ số CR 401187 tại thửa đất số 531, tờ bản đồ số 17 xã V. Từ đó đến nay bị đơn làm nhà và chuyển hộ khẩu về sinh sống trên diện tích này. Mặt khác, khi quen nhau giữa nguyên đơn và bị đơn có nguyện vọng xây dựng gia đình nên bị đơn đã bỏ ra hơn 01 tỷ đồng để xây dựng nhà trên đất bố mẹ nguyên đơn, trong đó có một phần diện tích nhà làm trên đất bị đơn. Giữa nguyên đơn và bị đơn nhất trí xây xong nhà sẽ đăng ký kết hôn nên bị đơn đã bỏ tiền trả các khoản nợ xây nhà. Tháng 8 năm 2019 xây xong nhà thì tháng 10 năm 2019 nguyên đơn đi miền Nam. Đến tháng 11 năm 2021 nguyên đơn

trở về đuổi mẹ con bị đơn ra khỏi nhà. Quá trình hòa giải tại UBND xã bị đơn thấy nguyên đơn xuất trình bản sao ngày 10/7/2019 về việc bị đơn đứng tên giúp cho nguyên đơn trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và GCNQSDĐ. Bị đơn cam kết chưa bao giờ đọc và chưa bao giờ ký vào văn bản này. Nguyên đơn đã giả mạo giấy này, dùng máy tính để ken chữ viết và chữ ký của bị đơn. Vì vậy bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả lại 1.192.000.000 đồng cho bị đơn thì bị đơn chuyển trả GCNQSDĐ số CR 401187 ngày 22/7/2019 cho nguyên đơn.

3. Nội dung Công văn số 221/VPĐKĐĐ ngày 22/4/2022 và trình bày của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình thể hiện:

Thửa đất số 416, tờ bản đồ số 17 xã V được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số BB 041775 cho hộ ông Nguyễn Siêu V1, bà Nguyễn Thị H3 ngày 04/6/2010. Ngày 12/4/2019 ông V1, bà H3 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp đổi GCNQSDĐ số CR 063812. Năm 2019 ông V1, bà H3 xin tách thửa đất số 416, tờ bản đồ số 17 xã V, huyện T thành hai thửa đất số 530 và 531, tờ bản đồ số 17 xã V, huyện T. Theo hồ sơ đăng ký biến động đất đai thì bà Nguyễn Thị Lệ H nhận chuyển nhượng thửa đất số 531, tờ bản đồ số 17 của ông V1, bà H3 theo Hợp đồng chứng thực của UBND xã V ngày 10/7/2019. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ số CR 401187 ngày 22/7/2019 cho bà Nguyễn Thị Lệ H. Căn cứ Điều 99 Luật Đất đai năm 2013; Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 2 Điều 17 Thông tư số 23/2014/TT - BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì việc chuyển nhượng và đề nghị cấp GCNQSDĐ cho bà H đảm bảo đúng quy định. Vậy kính đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

4. Ông Nguyễn Văn H2 trình bày thể hiện:

Tháng 5 năm 2018 ông xây dựng 01 nhà cấp 4 rộng 104,1m² trên thửa đất 141, tờ bản đồ số 17 xã V, huyện T của bố mẹ ông; trong đó có 49,9m² xây dựng trên thửa đất số 531, tờ bản đồ số 17 xã V của em trai là Nguyễn Thái B nhận chuyển nhượng của ông V1, bà H3. Việc xây nhà ở của ông không liên quan gì đến bà Nguyễn Thị Lệ H, vì khi ông xây dựng xong nhà ở vào tháng 9/2018 thì đến tháng 5 năm 2019 bà H mới về sống chung với Nguyễn Thái B và cũng không có ý kiến gì. Việc Nguyễn Thái B nhận chuyển nhượng thửa đất số 531, tờ bản đồ số 17 xã V trong gia đình và UBND xã V đều biết. Vậy đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2022/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 34; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 và điểm a, b khoản 2, khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 116; Điều 117;

Điều 118 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điểm d khoản 1 Điều 100; điểm d khoản 2 Điều 106; Điều 202 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận khởi kiện của ông Nguyễn Thái B về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ H trả lại 465,4m² đất tại thửa đất số 531, tờ bản đồ số 17 xã V, huyện T và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 401187 ngày 22/7/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho bà Nguyễn Thị Lệ H.

- Buộc bà Nguyễn Thị Lệ H trả lại 465,4m² đất tại thửa đất số 531, tờ bản đồ số 17 xã V, huyện T cho ông Nguyễn Thái B.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 401187 ngày 22/7/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho bà Nguyễn Thị Lệ H.

- Ông Nguyễn Thái B có nghĩa vụ đến cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để đăng ký việc sử dụng đất theo đúng quy định.

- Buộc ông Nguyễn Thái B trả lại cho bà Nguyễn Thị Lệ H 106.500 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/8/2022 bà Nguyễn Thị Lệ H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Thái B trình bày giữ nguyên đơn khởi kiện. Bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày giữ nguyên đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày: Tôi và ông B có tình cảm với nhau nên tôi đã đưa tiền cho ông B mua đất và được cấp GCNQSDĐ, sau đó tôi làm nhà và sinh sống không có tranh chấp. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của tôi, bác đơn khởi kiện của ông B và buộc ông B trả lại tiền tôi mua đất và làm nhà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B và ông B trình bày: Bị đơn không cung cấp được chứng cứ mới tại phiên tòa phúc thẩm. Bản giám định đã kết luận là chữ ký của bà H tại Văn bản thỏa thuận đứng tên giùm trên GCNQSDĐ ngày 10/7/2019. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý phúc thẩm vụ án, đến trước thời điểm nghị án là đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lệ H là trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: Tại Văn bản thỏa thuận về việc đứng tên giùm trên GCNQSDĐ ngày 10/7/2019 giữa ông Nguyễn Thái B với bà Nguyễn Thị Lệ H đã được kết luận giám định số 566/KL-KTHS ngày 16/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: “Chữ ký, chữ viết ghi rõ họ tên Nguyễn Thị Lệ H dưới mục *những người thỏa thuận*/2 trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Lệ H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người ký, viết ra”. Toà án cấp sơ thẩm xét xử và quyết định chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và có căn cứ. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự và của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Ngày 01/8/2022 bà Nguyễn Thị Lệ H kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2022/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Như vậy, kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lệ H là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lệ H:

[2.1]. Ngày 10 tháng 7 năm 2019 ông Nguyễn Siêu V1, bà Nguyễn Thị H3 với bà Nguyễn Thị Lệ H ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với nội dung: ông Nguyễn Siêu V1, bà Nguyễn Thị H3 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Lệ H 465,4m² đất tại thửa đất số 531, tờ bản đồ số 17 tại xã V, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Hợp đồng chuyển nhượng được UBND xã V, huyện T chứng thực ngày 10/7/2019, số 22, quyền số 01-2019-SCT/HĐGD. Ngày 22/7/2019 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ số CR 401187 cho bà Nguyễn Thị Lệ H.

[2.2]. Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

(1) Văn bản thỏa thuận v/v đứng tên giùm trên GCNQSDĐ giữa ông Nguyễn Thái B với bà Nguyễn Thị Lệ H ký ngày 10/7/2019 thể hiện nội dung: “Ông Nguyễn Thái B có nhận chuyển nhượng tài sản là quyền sử dụng đất tại thôn Đình Miếu, xã V, huyện T, tỉnh Quảng Bình diện tích 465,4m² thuộc thửa đất số 531 tách ra từ thửa 416, tờ bản đồ số 17 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 22/7/2019. Từ người chuyển nhượng là ông Nguyễn Siêu V1 và vợ là bà Nguyễn Thị H3. Toàn bộ số tiền thanh toán việc nhận chuyển nhượng nêu trên đều là của ông Nguyễn Thái B và ông Nguyễn Thái B đã thanh toán cho ông Nguyễn Siêu V1 và bà Nguyễn Thị H3. Nay ông Nguyễn Thái B thỏa thuận nhờ bà Nguyễn Thị Lệ H đứng tên giùm GCNQSDĐ nêu trên. Sau khi hoàn tất thủ tục sang tên ông Nguyễn Thái B có toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt kinh doanh và thu lợi nhuận từ

nhà và đất nêu trên... Bà Nguyễn Thị Lệ H sẽ chuyển nhượng lại tài sản nêu trên khi ông Nguyễn Thái B có yêu cầu và ông Nguyễn Thái B không phải thanh toán tiền chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Lệ H. Trong thời gian đứng tên trên GCNQSDD bà Nguyễn Thị Lệ H không được quyền chuyển nhượng hay thế chấp cho bất kỳ một tổ chức hay cá nhân nào mà chưa được sự đồng ý của ông Nguyễn Thái B...” (bút lục số 83).

(2) Kết luận giám định số 566/KL-KTHS ngày 16/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình đối với Văn bản thoả thuận về việc đứng tên giùm trên GCNQSDD ngày 10/7/2019 giữa ông Nguyễn Thái B với bà Nguyễn Thị Lệ H kết luận: “Chữ ký, chữ viết ghi rõ họ tên Nguyễn Thị Lệ H dưới mục *những người thỏa thuận*/2 trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Lệ H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người ký, viết ra” (bút lục số 249).

(3) Tại Biên bản xác minh do Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình lập với ông Nguyễn Siêu V1 thể hiện lời trình bày của ông V1: “Khoảng năm 2017 vợ chồng tôi chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thái B 01 thửa đất khoảng 400m² tại thôn Đồng Miếu, xã V. Thửa đất này nằm cạnh thửa đất bố mẹ anh Bình. Người thanh toán tiền là ông B. Việc bà Nguyễn Thị Lệ H đứng tên GCNQSDD thì ông không biết...” (bút lục số 101).

[2.3]. Đối với đơn phản tố của bị đơn được Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận ngày 30/3/2022 với nội dung: đề nghị Tòa án buộc nguyên đơn trả lại số tiền 1.192.000.000đ cho bị đơn. HĐXX thấy rằng: quá trình giải quyết vụ án bị đơn đều có mặt tại các phiên giao nộp chứng cứ và hòa giải. Ngày 16/3/2022 Tòa án mở phiên hòa giải lần 2 có mặt bị đơn. Ngày 29/3/2022 bị đơn có đơn phản tố. Như vậy, căn cứ quy định tại Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn thực hiện quyền phản tố sau khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm có văn bản thông báo không chấp nhận phản tố của bị đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung trình bày của đương sự và những nội dung được phân tích tại các mục [1], [2] nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và quyết định chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thái B là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lệ H là không có căn cứ chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm

[4]. Án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị Lệ H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lệ H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng Điều 34; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 và điểm a, b khoản 2, khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 116; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điểm d khoản 1 Điều 100; điểm d khoản 2 Điều 106; Điều 202 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận khởi kiện của ông Nguyễn Thái B về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ H trả lại 465,4m² đất tại thửa đất số 531, tờ bản đồ số 17 xã V, huyện T và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 401187 ngày 22/7/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho bà Nguyễn Thị Lệ H.

- Buộc bà Nguyễn Thị Lệ H trả lại 465,4m² đất tại thửa đất số 531, tờ bản đồ số 17 xã V, huyện T cho ông Nguyễn Thái B.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 401187 ngày 22/7/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho bà Nguyễn Thị Lệ H.

- Ông Nguyễn Thái B có nghĩa vụ đến cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để đăng ký việc sử dụng đất theo đúng quy định.

- Buộc ông Nguyễn Thái B trả lại cho bà Nguyễn Thị Lệ H 106.500 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị Lệ H phải chịu 300.000đ. Được trừ vào số tiền bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31/AA/2021/0005035 ngày 01/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT II – TAND tối cao;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

TRẦN QUỐC CƯỜNG